

Số: /2024/QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày 30 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Quy định hạn mức đất nông nghiệp do tự khai hoang để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân; hạn mức giao đất chưa sử dụng cho cá nhân đưa vào sử dụng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 564/TTr-STNMT ngày 30 tháng 10 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về:

1. Hạn mức đất nông nghiệp do tự khai hoang để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân quy định tại khoản 4 Điều 139 Luật Đất đai.

2. Hạn mức giao đất chưa sử dụng cho cá nhân đưa vào sử dụng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại khoản 5 Điều 176 Luật Đất đai.

3. Hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân quy định tại Điều 177 Luật Đất đai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý Nhà nước về đất đai; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh, công chức làm công tác địa chính cấp xã.

2. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp do tự khai hoang.

3. Cá nhân được giao đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

4. Cá nhân đủ điều kiện nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp.

5. Người sử dụng đất, các cơ quan, tổ chức và đối tượng khác có liên quan.

Điều 3. Hạn mức đất nông nghiệp do tự khai hoang để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân quy định tại khoản 4 Điều 139 Luật Đất đai

1. Hạn mức đất nông nghiệp do tự khai hoang để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân, như sau:

a) Đối với đất trồng cây hằng năm, đất nuôi trồng thủy sản cho một hộ gia đình, cá nhân tối đa không quá 02 ha đối với mỗi loại đất;

b) Đối với đất trồng cây lâu năm cho một hộ gia đình, cá nhân tối đa không quá 30 ha;

c) Đối với đất rừng sản xuất là rừng trồng cho một hộ gia đình, cá nhân tối đa không quá 30 ha.

2. Hạn mức đất nông nghiệp do tự khai hoang để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này được tính vào hạn mức giao đất nông nghiệp cho cá nhân theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 và 3 Điều 176 Luật Đất đai.

3. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất vượt hạn mức quy định tại khoản 1 Điều này thì diện tích vượt hạn mức phải chuyển sang thuê đất với Nhà nước.

Điều 4. Hạn mức giao đất chưa sử dụng cho cá nhân để đưa vào sử dụng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại khoản 5 Điều 176 Luật Đất đai

1. Hạn mức giao đất chưa sử dụng cho cá nhân, như sau:

a) Đối với đất để trồng cây hằng năm, đất nuôi trồng thủy sản tối đa không quá 02 ha đối với mỗi loại đất.

b) Đối với đất để trồng cây lâu năm tối đa không quá 30 ha.

c) Đối với đất để trồng rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng trồng tối đa không quá 30 ha đối với mỗi loại đất.

d) Ưu tiên giao đất chưa sử dụng cho cá nhân thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản tại nơi có đất chưa được giao đất, thiếu đất sản xuất.

2. Hạn mức giao đất chưa sử dụng cho cá nhân quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều này không tính vào hạn mức giao đất nông nghiệp cho cá nhân theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 và 3 Điều 176 Luật Đất đai.

Điều 5. Hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân quy định tại Điều 177 Luật Đất đai

1. Hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân đối với đất trồng cây hằng năm, đất nuôi trồng thủy sản không quá 30 ha đối với mỗi loại đất.

2. Hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân đối với đất trồng cây lâu năm không quá 450 ha.

3. Hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân đối với đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng trồng tối đa không quá 450 ha đối với mỗi loại đất.

4. Hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này không tính vào hạn mức giao đất nông nghiệp cho cá nhân theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 và 3 Điều 176 Luật Đất đai.

Điều 6. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, theo dõi việc thực hiện Quyết định này; giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện, báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết các nội dung vượt thẩm quyền theo quy định.

2. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức triển khai, thực hiện Quyết định này.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đối với đất chưa sử dụng; tiếp nhận và giải quyết hồ sơ xin giao đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân theo hạn mức giao đất tại Quyết định này.

4. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc, các cơ

quan, đơn vị, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 11 năm 2024.
2. Quyết định này thay thế Quyết định số 21/2014/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc ban hành Quy định hạn mức giao đất trồng, đồi núi trọc, đất có mặt nước thuộc nhóm đất chưa sử dụng cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Điều 8. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 8;
- Chính phủ (B/c);
- Các Bộ: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Tư pháp;
- Cục kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Công báo tỉnh, Cổng Thông tin điện tử tỉnh, Đài PT-TH tỉnh, Báo Lạng Sơn;
- PVP UBND tỉnh, các phòng CM, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KT(NNT).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lương Trọng Quỳnh